

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-ST
Ngày: 30/3/2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sơn.

Ông Trần Hoàng Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-DS ngày 23/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2026/QĐST-DS ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Hồng G**, sinh ngày 01/01/1974; CCCD: 094174012830, cấp ngày 18/11/2021 tại **Cục C** về TTXH. Địa chỉ: **A, xã Đ, Thành phố Cần Thơ** (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1977 và ông **Phạm Thanh H1**, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: **Áp S, xã Đ, Thành phố Cần Thơ** (bà **H** có mặt, ông **H1** vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2025 bà **Lê Hồng G** trình bày: Vào ngày 25/7/2024 âm lịch vợ chồng bà **H** và ông **H1** có hỏi bà vay số tiền 11.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận và đóng hàng tháng nhưng vợ chồng bà **H**, ông **H1** không đóng tiền lãi cho bà theo thoả thuận.

Đến ngày 20/11/2024 âm lịch vợ chồng bà **H**, ông **H1** tiếp tục hỏi vay thêm số tiền 18.000.000 đồng, lãi thoả thuận và đóng lãi hàng tháng, nhưng đến nay vợ chồng bà **H** và ông **H1** vẫn không đóng tiền lãi, cũng không số vốn cho bà.

Tổng cộng số tiền vốn vợ chồng bà H và ông H1 nợ bà số tiền là 29.000.000 đồng. Bà có yêu cầu vợ chồng bà H, ông H1 trả tổng số tiền nợ gốc là 29.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà H, ông H1 chỉ hẹn nhưng không thực hiện. Do đó, bà có yêu cầu Tổ hoà giải ấp S, xã Đ giải quyết, tại buổi hoà giải tại ấp S thì bà H đã thừa nhận còn nợ bà số tiền 29.000.000 đồng và xin trả dần nhưng bà không đồng ý vì quá lâu, nên hoà giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Hồng G yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ giải quyết buộc bà Trần Thị H và ông Phạm Thanh H1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả bà tổng số nợ gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi tính theo lãi suất nhà nước là 1,66%/tháng, tính từ ngày 20/11/2024 đến ngày 20/9/2025 là 10 tháng thành tiền là 4.814.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi 33.814.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi vợ chồng bà H, ông H1 trả hết nợ cho bà.

* Bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà đồng ý có vay bà Lê Hồng G 2 lần với tổng số vốn gốc là 29.000.000 đồng, số tiền này bà có đóng lãi cho bà G đầy đủ tuy nhiên 5 tháng nay bà không có đóng lãi cho bà G. Bà cũng nói thêm, đối với số vốn gốc vay chưa tới 29.000.000 đồng nhưng do bà không đóng tiền lãi nên bà G kê lên cho đủ 29.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà đồng ý trả bà G 29.000.000 đồng tiền vốn gốc và tiền lãi là 4.814.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 33.814.000 đồng, bà xin trả dần, cứ 4 tháng trả bà G 4.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 33.814.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Thanh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn H1.

[2] Bà Lê Hồng G và bà Trần Thị H, ông Phạm Thanh H1 ký kết hợp đồng vay tài sản, do phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, từ đó phát sinh tranh chấp, các bị đơn cùng cư trú tại ấp S, xã Đ, thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung và yêu cầu của nguyên đơn: Vào ngày 25/7/2004 âm lịch, Bà H, ông H1 có vay tiền của bà G hai lần với tổng số tiền là 29.000.000 đồng, và tại phiên tòa, bà H thừa nhận có vay tiền bà G với tổng số tiền vốn là 29.000.000 đồng đến nay chưa trả, đối với tiền lãi thì bà H khai có đóng tiền lãi cho bà G nhưng khoảng 6 tháng trở lại đây bà không đóng tiền lãi cho bà G. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét thấy, Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà **H** thừa nhận còn nợ tiền vay của bà **G**, **mặc khác, ông H1** và bà **H** là vợ chồng, hiện đang sống chung trong gia đình, như vậy ông **H1** có biết việc bà **G** khởi kiện bà **H** và ông **H1** nhưng ông **H1** trong quá trình hòa giải đến giai đoạn xét xử, thì ông **H1** đều vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà **G**. Tuy nhiên, khi vay tài sản vay tài sản của nguyên đơn, bà **H** và ông **H1** là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu của bà **Lê Hồng G** được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà **H**, ông **H1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà **G** tổng số tiền vay còn thiếu là 33.814.000 đồng, trong đó vốn gốc là 29.000.000 đồng và lãi 4.814.000 đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên Tòa, bà **H** thừa nhận còn thiếu tiền vay của bà **G** với tổng số tiền 33.814.000 đồng và xin trả dần 04 tháng sẽ trả bà **G** 4.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ trên. Bà **G** không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của bà **H**. Yêu cầu này của bà **H** sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án, nên không có căn cứ để xem xét.

[6] Về án phí: Bà **H**, ông **H1** phải chịu án phí là 1.690.000 đồng (*một triệu sáu trăm chín chục nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà **G** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 280; của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Hồng G**. Buộc bị đơn bà **Trần Thị H**, **Phạm Thanh H1** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Lê Hồng G** số tiền vay và lãi còn thiếu là 33.814.000 đồng (*ba mươi ba triệu, tám trăm mười bốn nghìn đồng*).

2/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà **Trần Thị H**, ông **Phạm Thanh H1** phải chịu án phí là 1.690.000 đồng (*một triệu sáu trăm chín chục nghìn đồng*).

Bà **Lê Hồng G** không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 845.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008108, ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhân